

CÔNG TY CỔ PHẦN BÁNH KẸO HẢI HÀ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 – 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 – 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Bùi Minh Đức	Chủ tịch (Bổ nhiệm tháng 12/2010)
Ông Quách Đại Đắc	Chủ tịch (Miễn nhiệm tháng 11/2010)
Ông Trần Hồng Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Ủy viên
Ông Nguyễn Hà Nam	Ủy viên
Bà Trần Thị Hoàng Mai	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Hồng Thanh	Tổng giám đốc
Ông Quách Đại Đắc	Phó Tổng giám đốc (Miễn nhiệm tháng 11/2010)
Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Phó Tổng giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Hồng Thanh
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Số: 10/2011/AP-KT

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng quản trị**
 Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (gọi tắt là “Công ty”). Các Báo cáo tài chính được lập ngày 21 tháng 02 năm 2011 từ trang 4 đến trang 21 kèm theo.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Công ty lập ngày 20/02/2010 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm ban hành và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở của ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu phản ánh trên báo cáo tài chính, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 1 "Thông tin khái quát" phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 54/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2010 và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2010 số 629/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/11/2010 đã quyết định Công ty sẽ thực hiện di dời bộ phận sản xuất trực tiếp tại Hà Nội sang Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Dự án xây dựng Nhà máy mới dự kiến sẽ được khởi công từ năm 2011 và hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh vào cuối năm 2013.

Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ 0034/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2011

Nguyễn Tâm Anh

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0651/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		156.893.703.117	125.347.979.979
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	28.400.360.329	19.698.118.943
1. Tiền	111		28.400.360.329	19.698.118.943
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	5.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		23.955.791.167	27.809.483.656
1. Phải thu của khách hàng	131		20.386.414.674	17.730.904.644
2. Trả trước cho người bán	132		3.903.490.160	10.095.980.497
3. Phải thu nội bộ	133		8.242.250	82.469.102
4. Các khoản phải thu khác	135		245.573.087	299.448.369
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(587.929.004)	(399.318.956)
IV. Hàng tồn kho	140	5	100.969.537.720	70.986.958.124
1. Hàng tồn kho	141		100.969.537.720	70.986.958.124
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.568.013.901	1.853.419.256
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.976.471.765	552.538.173
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		22.543.223	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.568.998.913	1.300.881.083
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+260)	200		67.502.888.229	67.002.174.906
I. Tài sản cố định	220		52.945.581.840	62.440.385.952
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6	52.904.945.720	62.231.455.241
- Nguyên giá	222		193.377.153.268	188.879.251.023
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(140.472.207.548)	(126.647.795.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	7	40.636.120	72.702.784
- Nguyên giá	228		191.200.000	191.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(150.563.880)	(118.497.216)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	136.227.927
II. Tài sản dài hạn khác	260		14.557.306.389	4.561.788.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	14.111.231.723	4.130.371.355
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	9	446.074.666	431.417.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		224.396.591.346	192.350.154.885

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		96.633.327.094	81.613.696.074
I. Nợ ngắn hạn	310		93.506.403.216	79.209.942.544
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	10	302.700.000	1.003.250.000
2. Phải trả cho người bán	312		49.066.398.239	27.264.347.817
3. Người mua trả tiền trước	313		8.220.868.303	4.858.633.782
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	3.419.392.953	5.951.748.272
5. Phải trả công nhân viên	315		12.304.767.200	10.267.057.150
6. Chi phí phải trả	316	12	4.346.100.147	4.196.162.645
7. Phải trả nội bộ	317		27.220.911	22.295.036
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	6.673.253.657	18.842.813.954
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		9.145.701.806	6.803.633.888
II. Nợ dài hạn	330		3.126.923.878	2.403.753.530
1. Phải trả dài hạn khác	333		292.560.000	265.960.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.834.363.878	2.137.793.530
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		127.763.264.252	110.736.458.811
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	127.763.264.252	110.736.458.811
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.750.000.000	54.750.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.656.202.300	3.656.202.300
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(49.521.537)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		53.943.297.771	47.726.401.492
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		5.357.249.947	4.414.545.657
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.056.514.234	238.830.899
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		224.396.591.346	192.350.154.885

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ	USD	12.103	62.930

Trần Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Xuân
Kế toán trưởng

Hà Nội, Ngày 21 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	530.850.690.472	460.375.222.524
2. Các khoản giảm trừ	03	15	3.265.112.540	1.773.321.552
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10	15	527.585.577.932	458.601.900.972
4. Giá vốn hàng bán	11	16	448.786.383.909	383.759.738.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		78.799.194.023	74.842.162.751
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	1.222.579.085	1.338.799.554
7. Chi phí tài chính	22	18	86.377.131	1.991.136.633
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>(7.162.293)</i>	<i>913.231.329</i>
8. Chi phí bán hàng	24	19	28.641.477.215	26.936.735.837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	27.696.254.595	21.604.034.818
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		23.597.664.167	25.649.055.017
11. Thu nhập khác	31	21	2.460.607.796	2.813.804.871
12. Chi phí khác	32	22	847.454.272	1.312.107.708
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.613.153.524	1.501.697.163
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		25.210.817.691	27.150.752.180
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	6.317.361.489	6.676.308.147
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	(14.657.067)	111.379.899
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		18.908.113.269	20.363.064.134
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	3.454	3.719

Trần Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Xuân
Kế toán trưởng

Hà Nội, Ngày 21 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	25.210.817.691	27.150.752.180
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ	02	14.270.131.507	15.598.892.484
Các khoản dự phòng	03	188.610.048	399.318.956
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	81.424.176	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.301.283.368)	(1.360.885.525)
Chi phí lãi vay	06	(7.162.293)	913.231.329
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	38.442.537.761	42.701.309.424
Giảm/tăng các khoản phải thu	09	1.935.830.729	(2.591.088.952)
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(29.985.280.969)	5.944.158.518
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	17.866.473.928	6.091.874.913
Tăng Chi phí trả trước	12	(9.980.860.368)	(398.870.635)
Tiền lãi vay đã trả	13	(93.228.000)	(857.982.241)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.927.696.674)	(4.402.416.642)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.333.375.000	159.410.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(744.683.171)	(924.607.904)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.846.468.236	45.721.786.481
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.775.327.395)	(4.781.791.598)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	119.227.273	44.102.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(32.500.000.000)	(105.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	37.500.000.000	100.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.182.056.095	1.319.160.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.525.955.973	(8.418.528.392)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.142.500.000	22.771.263.830
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.843.050.000)	(58.825.317.071)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.022.896.500)	(4.992.182.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.723.446.500)	(41.046.235.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	8.648.977.709	(3.742.977.652)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	19.698.118.943	23.440.492.160
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	53.263.677	604.435
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	28.400.360.329	19.698.118.943

Trần Hồng Thanh
Tổng Giám đốc

Đỗ Thị Kim Xuân
Kế toán trưởng

Hà Nội, Ngày 21 tháng 02 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà (“Công ty”) là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Bánh Kẹo Hải Hà theo Quyết định số 191/2003/QĐ-BCN ngày 14/11/2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003614 ngày 20/01/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 13/08/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Quyết định số 3295/QĐ-TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển giao quản lý phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam, ngày 20/12/2004, Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) chính thức bàn giao phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Bánh kẹo Hải Hà cho Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty là 54.750.000.000 VND, được chia làm 5.475.000 cổ phần, giá trị mỗi cổ phần là 10.000 VND, trong đó, vốn Nhà nước là 27.922.500.000 VND (tương ứng với 2.792.250 cổ phần), chiếm 51% vốn điều lệ; vốn của các cổ đông khác trong và ngoài Công ty là 26.827.500.000 VND (tương ứng với 2.682.750 cổ phần), chiếm 49% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh các loại bánh kẹo;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại vật tư sản xuất, máy móc thiết bị, sản phẩm chuyên ngành, hàng hóa tiêu dùng và các sản phẩm hàng hóa khác;
- Đầu tư xây dựng, cho thuê văn phòng, nhà ở, trung tâm thương mại.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại bánh kẹo.

Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 25 Trương Định - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh, Nhà máy phụ thuộc sau:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Đà Nẵng;
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà I;
- Nhà máy Bánh kẹo Hải Hà II.

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 54/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2010 và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2010 số 629/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/11/2010 đã quyết định Công ty sẽ thực hiện di dời bộ phận sản xuất trực tiếp tại Hà Nội sang Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh, Phù Chấn, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Dự án xây dựng Nhà máy mới dự kiến sẽ được khởi công từ năm 2011 và hoàn thành đưa vào sản xuất kinh doanh vào cuối năm 2013 với tổng vốn đầu tư (trước thuế) là 405.000.000.000 VND được hình thành từ nguồn lợi nhuận thu được từ việc triển khai dự án chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại 25 Trương Định, Hà Nội, từ nguồn quỹ đầu tư phát triển của Công ty và vốn vay.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các chi nhánh bao gồm chi nhánh Đà Nẵng, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản phải thu, phải trả nội bộ, các giao dịch nội bộ và các tài sản, nguồn vốn điều chuyển giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty được loại trừ vào thời điểm cuối năm tài chính.

Hình thức ghi sổ kế toán: Hình thức nhật ký chứng từ.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với các quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Thời gian (năm)</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc, thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị các chương trình phần mềm về quản lý và kế toán. Các chương trình phần mềm được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê đất tại khu công nghiệp Tân Tạo và khu Công nghiệp VSIP – Bắc Ninh, chi phí thuê kho, thuê cửa hàng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

- Tiền thuê 2.565 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với đơn giá thuê 1.425.420 VND/m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2005 theo Hợp đồng thuê đất số 309/HĐ-TLĐ/KD-05 ngày 10/05/2005 được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Tân Tạo.
- Tiền thuê 48.705 m² đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh với đơn giá thuê là 62USD/m², thời gian thuê là 47 năm kể từ ngày 14/12/2010 theo Hợp đồng thuê đất số 054B/055/056/057A ngày 14 tháng 12 năm 2010 được ký giữa Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà và Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh. Tổng số tiền thuê đất Công ty đã trả trước cho Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh đến thời điểm 31/12/2010 là 11.477.988.607 VND.
- Tiền thuê kho, thuê cửa hàng năm 2011 được thanh toán trước trong năm 2010.
- Các khoản chi phí dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 02 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 – “Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 177/2009/TT-BTC ngày 10/9/2010 của Bộ Tài chính.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, không có khoản tài sản hoặc công nợ nào được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời đáng kể nào giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	423.281.366	249.284.691
Tiền gửi ngân hàng	27.977.078.963	19.448.834.252
Cộng	28.400.360.329	19.698.118.943

5. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.806.540.238	-
Nguyên liệu, vật liệu	36.026.085.161	30.350.938.676
Công cụ, dụng cụ	223.605.236	237.541.318
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	43.002.085	-
Thành phẩm	44.697.303.227	32.113.681.821
Hàng hoá (*)	10.766.381.140	8.284.796.309
Hàng gửi bán	6.406.620.633	-
Cộng	100.969.537.720	70.986.958.124
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	100.969.537.720	70.986.958.124

(*) Là giá trị thành phẩm được chuyển từ Công ty và đang tồn kho tại chi nhánh Hồ Chí Minh và chi nhánh Đà Nẵng của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2010	29.084.788.355	149.633.569.089	9.363.168.244	797.725.335	188.879.251.023
Tăng trong năm	255.130.906	1.178.177.600	3.405.919.456	72.327.360	4.911.555.322
Mua sắm mới	-	1.178.177.600	3.405.919.456	72.327.360	4.656.424.416
Đầu tư XDCB hoàn thành	255.130.906				255.130.906
Giảm trong năm	-	-	357.315.327	56.337.750	413.653.077
Thanh lý, nhượng bán	-	-	357.315.327	56.337.750	413.653.077
Số dư tại 31/12/2010	29.339.919.261	150.811.746.689	12.411.772.373	813.714.945	193.377.153.268
HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư tại 01/01/2010	19.963.525.282	99.051.103.850	7.046.312.500	586.854.150	126.647.795.782
Tăng trong năm	1.426.586.864	11.090.465.407	1.621.776.716	99.235.856	14.238.064.843
Khấu hao trong năm	1.426.586.864	11.090.465.407	1.621.776.716	99.235.856	14.238.064.843
Giảm trong năm	-	-	357.315.327	56.337.750	413.653.077
Thanh lý, nhượng bán	-	-	357.315.327	56.337.750	413.653.077
					-
Số dư tại 31/12/2010	21.390.112.146	110.141.569.257	8.310.773.889	629.752.256	140.472.207.548
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư tại 01/01/2010	9.121.263.073	50.582.465.239	2.316.855.744	210.871.185	62.231.455.241
Số dư tại 31/12/2010	7.949.807.115	40.670.177.432	4.100.998.484	183.962.689	52.904.945.720

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng tại ngày 31/12/2010 là 71.685.927.772 VND (tại ngày 31/12/2009 là 65.992.256.887 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2010	191.200.000	191.200.000
Tăng trong năm	-	-
Số dư tại 31/12/2010	191.200.000	191.200.000
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại 01/01/2010	118.497.216	118.497.216
Khấu hao trong năm	32.066.664	32.066.664
Số dư tại 31/12/2010	150.563.880	150.563.880
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2010	72.702.784	72.702.784
Số dư tại 31/12/2010	40.636.120	40.636.120

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Chi phí trả trước về thuê đất	13.475.585.779	3.278.846.112
Chi phí thuê kho	627.590.273	239.260.000
Chi phí sửa chữa, cải tạo siêu thị	-	599.015.241
Chi phí trả trước khác	3.934.000	12.000.000
Chi phí khác	4.121.671	1.250.002
Cộng	14.111.231.723	4.130.371.355

9. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	446.074.666	431.417.599
Cộng	446.074.666	431.417.599

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

Khoản vay ngắn hạn đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán là các khoản huy động vốn của cán bộ công nhân viên trong Công ty với các kỳ hạn từ 1 tháng đến 12 tháng. Lãi suất của các khoản huy động vốn này 0,54%/tháng. Lãi suất cho mỗi lần rút vốn ngắn hạn sẽ được trả vào ngày cuối cùng của mỗi kỳ lãi hoặc trả lãi hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	509.847	1.729.937.284
Thuế xuất, nhập khẩu	-	217.479.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.305.443.954	3.928.159.524
Thuế thu nhập cá nhân	111.239.192	73.972.333
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	2.199.960	2.199.960
Cộng	<u>3.419.392.953</u>	<u>5.951.748.272</u>

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	979.273.343	2.233.868.917
Chi phí lãi vay	12.766.660	113.156.953
Chi phí vận chuyển	654.902.097	-
Hỗ trợ chi phí bán hàng	1.651.758.886	459.992.451
Chi phí khác	1.047.399.161	1.389.144.324
Cộng	<u>4.346.100.147</u>	<u>4.196.162.645</u>

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	10.154.750	8.221.426.250
Kinh phí công đoàn	33.036.732	39.970.565
Phải trả về cổ phần hóa	-	207.270.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.630.062.175	10.374.147.139
	<u>6.673.253.657</u>	<u>18.842.813.954</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2009	54.750.000.000	3.656.202.300	-	38.868.327.358	3.571.081.502	1.642.500.000	102.488.111.160
Tăng trong năm	-	-	-	8.858.074.134	1.018.150.000	20.601.895.033	30.478.119.167
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	20.363.064.134	20.363.064.134
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	8.858.074.134	1.018.150.000	-	9.876.224.134
Tăng khác	-	-	-	-	-	238.830.899	238.830.899
Giảm trong năm	-	-	49.521.537	-	174.685.845	22.005.564.134	22.229.771.516
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	22.005.564.134	22.005.564.134
Giảm khác	-	-	49.521.537	-	174.685.845	-	224.207.382
Tại 31/12/2009	54.750.000.000	3.656.202.300	(49.521.537)	47.726.401.492	4.414.545.657	238.830.899	110.736.458.811
Tăng trong năm	-	-	261.268.536	6.216.896.279	945.405.663	18.920.493.654	26.344.064.132
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	18.908.113.269	18.908.113.269
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	6.216.896.279	945.405.663	-	7.162.301.942
Tăng khác	-	-	261.268.536	-	-	12.380.385	273.648.921
Giảm trong năm	-	-	211.746.999	-	2.701.373	9.102.810.319	9.317.258.691
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	9.053.113.269	9.053.113.269
Giảm khác	-	-	211.746.999	-	2.701.373	49.697.050	264.145.422
Tại 31/12/2010	54.750.000.000	3.656.202.300	-	53.943.297.771	5.357.249.947	10.056.514.234	127.763.264.252

Lợi nhuận sau thuế năm 2010 của Công ty được tạm trích lập các quỹ như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 6.216.896.279 đồng, tương ứng 33% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ dự phòng tài chính: 945.405.663 đồng, tương ứng 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.890.811.327 đồng, tương ứng 10% lợi nhuận sau thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của Nhà nước	27.922.500.000	27.922.500.000
Vốn góp của cổ đông	26.827.500.000	26.827.500.000
Cộng	54.750.000.000	54.750.000.000

CỔ PHIẾU

	31/12/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.475.000	5.475.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	5.475.000	5.475.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>5.475.000</i>	<i>5.475.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.475.000	5.475.000
<i>Cổ phiếu thường</i>	<i>5.475.000</i>	<i>5.475.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu (đồng)	10.000	10.000

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 số 54/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/3/2010 và Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2010 số 629/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/11/2010 đã quyết định Công ty sẽ phát hành thêm cổ phiếu nhằm mục đích tăng vốn điều lệ của Công ty. Số lượng cổ phiếu phát hành thêm là 2.737.500 cổ phiếu, giá trị mỗi cổ phiếu là 10.000 VND; tổng giá trị phát hành theo mệnh giá là 27.375.000.000 VND được phân phối cho toàn bộ cổ đông hiện hữu của Công ty; thời gian dự kiến phát hành trong quý I năm 2011. Công ty đã được Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng vào ngày 30/12/2010. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu này dự kiến sẽ được Công ty sử dụng để trả tiền thuê đất tại Khu công nghiệp VSIP Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

15. DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	530.529.768.959	459.380.551.034
Doanh thu cung cấp dịch vụ	320.921.513	994.671.490
Cộng	530.850.690.472	460.375.222.524
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	2.061.759.758	1.770.381.552
Chiết khấu thương mại	1.203.352.782	2.940.000
Cộng	3.265.112.540	1.773.321.552
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán hàng	527.264.656.419	457.607.229.482
Doanh thu cung cấp dịch vụ	320.921.513	994.671.490
Cộng	527.585.577.932	458.601.900.972

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn hàng bán	448.786.383.909	383.759.738.221
Cộng	448.786.383.909	383.759.738.221

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.182.056.095	1.319.160.933
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	40.522.990	19.638.621
Cộng	1.222.579.085	1.338.799.554

18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	(7.162.293)	913.231.329
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.077.905.304
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	93.539.424	-
Cộng	86.377.131	1.991.136.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.724.136.566	1.657.624.421
Chi phí nhân công	5.807.366.954	4.851.908.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	967.703.163	1.473.995.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.305.083.132	12.283.357.826
Chi phí khác bằng tiền	5.837.187.400	6.669.849.522
Cộng	28.641.477.215	26.936.735.837

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	486.271.641	435.072.634
Chi phí nhân viên quản lý	16.480.782.903	12.572.793.724
Chi phí khấu hao tài sản cố định	603.281.145	742.841.910
Thuế, phí và lệ phí	1.263.356.003	1.276.892.098
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.671.981.611	3.283.919.782
Chi phí khác bằng tiền	2.190.581.292	3.292.514.670
Cộng	27.696.254.595	21.604.034.818

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	119.227.273	-
Thu từ bán vật tư, phế liệu	1.521.961.407	1.660.178.431
Thu nhập khác	819.419.116	1.153.626.440
Cộng	2.460.607.796	2.813.804.871

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí bán vật tư, phế liệu	847.326.635	1.061.353.552
Chi phí khác	127.637	250.754.156
	847.454.272	1.312.107.708

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	25.210.817.691	27.150.752.180
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	1.725.670.395	2.171.189.989
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện năm trước đã thực hiện kỳ này</i>	<i>1.725.670.395</i>	<i>2.171.189.989</i>
Cộng: Chi phí không được trừ cho mục đích tính thuế	1.784.298.661	1.725.670.395
<i>Lợi nhuận chưa thực hiện kỳ này</i>	<i>1.784.298.661</i>	<i>1.725.670.395</i>
Thu nhập chịu thuế	25.269.445.957	26.705.232.586
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Chi phí Thuế TNDN hiện hành	6.317.361.489	6.676.308.147

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(58.628.266)	445.519.594
Lợi nhuận chưa thực hiện năm trước đã thực hiện kỳ này	1.725.670.395	2.171.189.989
Lợi nhuận chưa thực hiện kỳ này	(1.784.298.661)	(1.725.670.395)
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(14.657.067)	111.379.899

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	18.908.113.269	20.363.064.134
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (2)	18.908.113.269	20.363.064.134
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (3)	5.475.000	5.475.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.454	3.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

26. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	1.281.248.940	81.248.940

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm như sau:

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.327.748.187	81.248.940
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.310.992.748	324.995.760
Sau năm năm	55.144.320.844	2.872.601.412
	61.783.061.779	3.278.846.112

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng tiền thuê 2.565 m² đất tại Khu Công nghiệp Tân Tạo với đơn giá thuê 1.425.420 VND/m², thời gian thuê là 45 năm kể từ năm 2005 theo Hợp đồng thuê đất số 309/HĐ-TLĐ/KD-05 ngày 10/05/2005 được ký kết giữa Công ty và Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Tân Tạo.
- Tổng tiền thuê 48.705 m² đất tại Khu Công nghiệp VSIP Bắc Ninh với đơn giá thuê là 62USD/m², thời gian thuê là 47 năm kể từ ngày 14/12/2010 theo Hợp đồng thuê đất số 054B/055/056/057A ngày 14 tháng 12 năm 2010 được ký giữa Công ty Cổ phần Bánh kẹo Hải Hà và Công ty TNHH VSIP Bắc Ninh.

27. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.